

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Kiểm kê tài nguyên nước**  
**trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, giai đoạn đến năm 2025**

**CHỦ TỊCH UBND TỈNH BẮC NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): số 30/2017/TT-BTNMT ngày 11/9/2017 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá tài nguyên nước; số 16/2017/TT-BTNMT ngày 25/7/2017 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước; số 37/2017/TT-BTNMT ngày 06/10/2017 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước; số 36/2017/TT-BTNMT ngày 06/10/2017 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật khảo sát, đo đạc tài nguyên nước và đánh giá, dự báo tài nguyên nước bằng mô hình dòng chảy;

Căn cứ Công văn số 9547/BNNMT-TNN ngày 25/11/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện đề án kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, trong đó đề nghị các tỉnh hoàn thành nhiệm vụ kiểm kê tài nguyên nước và tổng hợp kết quả kiểm kê gửi về Bộ trước ngày 30/6/2026;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 333/TTr-SNNMT ngày 23/3/2026.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh dự án Kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, giai đoạn đến năm 2025 với các nội dung sau:

**1. Nội dung điều chỉnh**

1.1. Điều chỉnh Chủ đầu tư: Từ: “Sở Tài nguyên và Môi trường” thành: “Sở Nông nghiệp và Môi trường”.

1.2. Điều chỉnh thời gian thực hiện: Từ: “Từ năm 2024 đến tháng 3/2026” thành: “Từ năm 2024 đến 31/12/2026”.

1.3. Điều chỉnh tổng kinh phí thực hiện:

- Từ: “Kinh phí thực hiện: 2.642.019.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, sáu trăm bốn mươi hai triệu, không trăm mười chín nghìn đồng). Đã bao gồm thuế VAT”

- Thành: “Kinh phí thực hiện: 2.336.198.000 đồng (*Bảng chữ: Hai tỷ, ba trăm ba mươi sáu triệu, một trăm chín mươi tám nghìn đồng chẵn*). Đã bao gồm thuế VAT”.

#### 1.4. Điều chỉnh nội dung thực hiện:

##### a) Nội dung thực hiện đã phê duyệt:

- Thu thập, kế thừa các thông tin, số liệu liên quan đến chỉ tiêu kiểm kê, điều tra cơ bản từ các giai đoạn trước và trong kỳ kiểm kê;

- Tổ chức điều tra, khảo sát bổ sung các chỉ tiêu tại thực địa gồm:

+ Điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước mặt trên các nguồn nước nội tỉnh (với mức độ nghiên cứu 1:25.000) gồm: hồ chứa, đập dâng có dung tích toàn bộ  $\geq 0,01$  triệu m<sup>3</sup>; công trình khai thác, sử dụng nước mặt khác cho mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với quy mô  $> 0,1$  m<sup>3</sup>/s; khai thác nước mặt cho kinh doanh, dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp  $> 100$  m<sup>3</sup>/ngày đêm và phát điện với công suất  $> 50$  kW.

+ Điều tra hiện trạng xả nước thải vào các nguồn nước (các công trình xả nước thải vào nguồn nước mặt nội tỉnh thuộc các lưu vực sông nội tỉnh và lưu vực sông liên tỉnh) với mức độ nghiên cứu 1:25.000 gồm: có quy mô  $> 5$  m<sup>3</sup>/ngày đêm (không chứa hóa chất độc hại, chất phóng xạ).

+ Lấy mẫu, phân tích mẫu nước mặt tính toán chỉ tiêu chất lượng nước mặt (theo chỉ số chất lượng nước tổng hợp WQI);

- Tổng hợp, xử lý, phân loại thông tin, số liệu kết quả thu thập, điều tra thực địa và cập nhật số liệu vào phần mềm kiểm kê;

- Tính toán các chỉ tiêu kiểm kê tài nguyên nước về: lượng nước mặt, chất lượng nước mặt đối với các nguồn nước thuộc phạm vi thực hiện của địa phương theo quy định;

- Chuẩn bị nội dung thông tin và biên tập các bản đồ kiểm kê tài nguyên nước mặt;

- Xây dựng, hoàn thiện hồ sơ sản phẩm kết quả kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh, gồm: báo cáo kết quả kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; các báo cáo chuyên đề theo từng chỉ tiêu kiểm kê; cơ sở dữ liệu; bộ số liệu kiểm kê tài nguyên nước, cập nhật dữ liệu kiểm kê vào phần mềm kiểm kê. Tổng hợp kết quả kiểm kê gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

##### b) Nội dung thực hiện điều chỉnh:

###### \* Đối với tỉnh Bắc Ninh (cũ)

- Thu thập, kế thừa các thông tin, số liệu liên quan đến chỉ tiêu kiểm kê, điều tra cơ bản từ các giai đoạn trước và trong kỳ kiểm kê.

- Tổ chức điều tra, khảo sát bổ sung các chỉ tiêu tại thực địa gồm:

+ Điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước mặt trên các nguồn nước nội tỉnh (với mức độ nghiên cứu trên tỷ lệ bản đồ 1:25.000) gồm: hồ chứa, đập dâng có dung tích toàn bộ  $\geq 0,01$  triệu m<sup>3</sup>; công trình khai thác, sử dụng nước mặt khác cho mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với quy mô

>0,1m<sup>3</sup>/s; khai thác nước mặt cho kinh doanh, dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp >100m<sup>3</sup>/ngày đêm và phát điện với công suất >50kW.

+ Điều tra hiện trạng xả nước thải vào các nguồn nước (các công trình xả nước thải vào nguồn nước mặt nội tỉnh thuộc các lưu vực sông nội tỉnh và lưu vực sông liên tỉnh) với mức độ nghiên cứu 1:25.000 gồm: có quy mô >5m<sup>3</sup>/ngày đêm (không chứa hóa chất độc hại, chất phóng xạ).

- Tổng hợp, xử lý, phân loại thông tin, số liệu kết quả thu thập, điều tra thực địa và cập nhật số liệu vào phần mềm kiểm kê;

- Tính toán các chỉ tiêu kiểm kê tài nguyên nước về: lượng nước mặt, chất lượng nước mặt đối với các nguồn nước thuộc phạm vi thực hiện của địa phương theo quy định;

- Chuẩn bị nội dung thông tin và biên tập các bản đồ kiểm kê tài nguyên nước mặt;

- Xây dựng, hoàn thiện hồ sơ sản phẩm kết quả kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh, gồm: báo cáo kết quả kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; các báo cáo chuyên đề theo từng chỉ tiêu kiểm kê; cơ sở dữ liệu; bộ số liệu kiểm kê tài nguyên nước, cập nhật dữ liệu kiểm kê vào phần mềm kiểm kê. Tổng hợp kết quả kiểm kê gửi về Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

\* Đối với tỉnh Bắc Giang (cũ)

Cập nhật theo địa chỉ mới hoàn thiện hồ sơ sản phẩm kết quả kiểm kê, cập nhật dữ liệu kiểm kê vào phần mềm kiểm kê của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

\* Đối với tỉnh Bắc Ninh mới sau sáp nhập

Hoàn thiện hồ sơ sản phẩm kết quả kiểm kê trên địa bàn toàn tỉnh, cập nhật dữ liệu kiểm kê vào phần mềm kiểm kê của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**2. Các nội dung khác:** Theo Quyết định số 809/QĐ-UBND ngày 02/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án Kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, giai đoạn đến năm 2025.

**Điều 2.** Chủ Đầu tư có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Khu vực VI và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, THĐT, Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu VT, KTN Tân

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đào Quang Khải**

